

Bản án số: 823/2026/DS-ST

Ngày: 21 - 5 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Nga

2. Bà Lê Thị Kim Hạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 486/2026/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 657/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 77/5 Ấp 41, xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Phạm Đức T, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Bà Trần Phạm Hải Đ, sinh năm 2000 (Có mặt);

Ông Nguyễn Anh Q, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Ông Phạm Phú Đ, sinh năm 2002 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 374 Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27/01/2026).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1957

Địa chỉ: Căn hộ 1.08 Lô B, Chung cư Tecco Tower Tham Lương, Khu phố 14, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/01/2026 (sửa đổi, bổ sung ngày 11/02/2026) và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Phạm Hải Đăng trình bày thống nhất như sau:

Do có quan hệ quen biết, bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần cho bà Phan Thị Kim H vay mượn tiền. Trong đó, ngày 20/5/2025, bà H vay của bà T số tiền 400.000.000 đồng, có lập giấy vay nợ. Bà H đề nghị bà T thông báo trước 02 tháng vào thời điểm yêu cầu trả nợ.

Ngày 18/9/2025, bà Nguyễn Thị T và bà Phan Thị Kim H cùng lập Giấy xác nhận nợ, nội dung xác định bà H còn nợ bà T tổng số tiền 688.000.000 đồng. Văn bản xác nhận cũng đồng thời khẳng định trách nhiệm trả nợ của bên vay.

Từ tháng 10/2025, bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần và bằng nhiều hình thức yêu cầu bà Phan Thị Kim H thanh toán toàn bộ số nợ 688.000.000 đồng. Trong đó, bà T đã hai lần thông báo bằng văn bản gửi đến bà H vào các ngày 23/10/2025 và 26/02/2026. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại bà H vẫn chưa trả nợ cho bà T.

Việc chậm trả nợ của bà Phan Thị Kim H đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp và ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của bà Nguyễn Thị T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Kim H phải trả cho bà tổng số nợ gốc là 688.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 16/3/2026 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ với lãi suất 10%/năm.

Tại bản tự khai ngày 06/4/2026, bị đơn bà Phan Thị Kim H trình bày như sau:

Bà Phan Thị Kim H xác nhận quan hệ vay tài sản với bà Nguyễn Thị T đúng như trình bày của nguyên đơn. Vào năm 2025, bà H nhiều lần vay tiền của bà T để phục vụ cuộc sống cá nhân. Ngày 18/9/2025, bà H lập văn bản xác nhận toàn bộ số tiền nợ gốc vay của bà T là 688.000.000 đồng. Bà H cam kết khi nào bà T yêu cầu sẽ trả toàn bộ số nợ.

Từ tháng 10/2025, bà H nhiều lần nhận được yêu cầu trả nợ từ bà T, tuy nhiên do công việc gặp nhiều khó khăn nên bà chưa có khả năng thanh toán. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà H xác định toàn bộ số nợ gốc còn lại của quan hệ vay tài sản nêu trên là 688.000.000 đồng. Bà đồng ý trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, hiện tại bà H chưa thu xếp được nguồn tiền nên đề nghị được trả hết số nợ trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Trần Phạm Hải Đăng là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà

Nguyễn Thị T trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn bà Phan Thị Kim H trả số nợ gốc là 688.000.000 đồng và sửa đổi yêu cầu tính lãi chậm trả, bà H phải chịu lãi chậm trả trên toàn bộ nợ gốc từ ngày 16/3/2026 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm. Nguyên đơn đồng ý cho bà Phan Thị Kim H thanh toán toàn bộ số nợ trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo đề nghị của bị đơn.

- Bị đơn bà Phan Thị Kim H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Phan Thị Kim H có địa chỉ cư trú tại: Căn hộ 1.08 Lô B, Chung cư Tecco Tower Tham Lương, Khu phố 14, phường Đông Hưng Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn đề ngày 06/4/2026, bị đơn bà Phan Thị Kim H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của các đương sự, có đủ cơ sở để xác định:

Vào năm 2025, bà Phan Thị Kim H đã vay của bà Nguyễn Thị T tổng số tiền 688.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Hai bên lập giấy xác nhận nợ ngày 18/9/2025. Nội dung văn bản xác nhận tổng số nợ vay, không thỏa thuận trả lãi, không xác định thời điểm trả nợ gốc.

Căn cứ quy định tại Điều 116, Điều 119, Điều 385, Điều 463 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật do bà

Nguyễn Thị T và bà Phan Thị Kim H xác lập và thực hiện là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Về hình thức, hợp đồng được giao kết bằng lời nói và bằng văn bản, có xác nhận công nợ. Việc giao kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản này được các bên chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận và công nhận hiệu lực.

[2.2] Đối với yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ nội dung Giấy vay tiền ngày 20/5/2025 và Giấy xác nhận nợ ngày 18/9/2025 (được bị đơn xác nhận tại bản tự khai nộp cho Tòa án ngày 06/4/2025), Hội đồng xét xử xác định bà Phan Thị Kim H đã nhận đầy đủ số tiền vay của bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng vay tài sản nêu trên. Tính đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bà H còn nợ tổng số tiền của Hợp đồng là 688.000.000 đồng.

Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Theo Thông báo ngày 23/10/2025 (được Văn phòng Thừa phát lại Đức Hòa lập Vi bằng số 758/2025/VB-TPL chứng kiến việc giao nhận) và nội dung xác nhận của bị đơn tại bản tự khai ngày 06/4/2025 thể hiện bên cho vay bà Nguyễn Thị T đã yêu cầu bên vay bà Phan Thị Kim H trả toàn bộ số nợ gốc 688.000.000 đồng từ tháng 10/2025, tuy nhiên đến nay bà H vẫn chưa trả.

Việc chậm thanh toán của bị đơn trái với thỏa thuận được công nhận giữa các bên, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tại Điều 466 và thực hiện nghĩa vụ trả tiền tại Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định và căn cứ pháp luật nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc buộc bị đơn bà Phan Thị Kim H trả toàn bộ số nợ gốc 688.000.000 đồng theo nội dung Giấy xác nhận nợ ngày 18/9/2025 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả của nguyên đơn:

Mục [2.1] và Mục [2.2] đã kết luận giao dịch giữa bà Nguyễn Thị T và bà Phan Thị Kim H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Bên cho vay đã báo cho bên vay về việc trả nợ vay trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 23/10/2025. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn đã báo trước cho bị đơn khoảng thời gian hợp lý để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo đó, thời hạn thanh toán nợ vay của bị đơn kết thúc vào ngày 07/11/2025.

Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp bên*

có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”.

Khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.*

Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm chậm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc”.*

Từ những cơ sở và căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định thời gian chậm trả nợ gốc của bị đơn bà Phan Thị Kim H bắt đầu từ ngày 08/11/2025 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 16/3/2026 là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả, nguyên đơn yêu cầu áp dụng lãi suất 10%/năm tính trên dư nợ gốc chậm trả. Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tại bản tự khai ngày 06/4/2026, bị đơn bà Phan Thị Kim H đồng ý thanh toán tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm. Thời gian từ ngày nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 02 tháng 05 ngày. Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi bị đơn phải thanh toán là 12.409.132 đồng.

[2.4] Đối với ý kiến của bị đơn bà Phan Thị Kim H về việc đề nghị được trả toàn bộ số nợ cho bà Nguyễn Thị T trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, ý kiến này được nguyên đơn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về thời hạn thanh toán của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền của bên vay tại Điều 280 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được công nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị Kim H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, bà H sinh năm 1957, là người cao tuổi và có đề nghị miễn nộp án phí. Do đó, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bà Phan Thị Kim H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, khoản 1 Điều 147, Điều 188, Điều 189, Điều 190, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116, 119, 280, 357, 385, 463, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

Bà Phan Thị Kim H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền còn nợ theo Giấy xác nhận nợ ngày 18/9/2025 là 700.409.132 đồng (Bảy trăm triệu bốn trăm linh chín nghìn một trăm ba mươi hai đồng), bao gồm: nợ gốc 688.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi tám triệu đồng) và tiền lãi chậm trả 12.409.132 đồng (Mười hai triệu bốn trăm linh chín nghìn một trăm ba mươi hai đồng). Việc thanh toán được thực hiện trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà Phan Thị Kim H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán thì hàng tháng bà Phan Thị Kim H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Phan Thị Kim H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.065.778 đồng (Mười sáu triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền số 0016329 ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phan Thị Kim H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND KV7 – TP. HCM;
- Phòng THADS KV7 – TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Dương